

Bản án số: 328/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Viên Đức

2. Bà Hoàng Mỹ Oanh

***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Nguyễn Đức Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Ngọc U, sinh năm: 1992; địa chỉ: 194/10 đường Q, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: 30/4A đường BT, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Võ Ngọc U trình bày:

Bà U và ông Võ Minh T tự nguyện chung sống hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014 đăng ký ngày 14/10/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, bà Võ Ngọc U và ông Võ Minh T thường xuyên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Ông Võ Minh T không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, không quan tâm chăm sóc gia đình, không cùng bà Võ Ngọc U nuôi dạy con cái con cái, không kiếm tiền xây dựng cuộc sống.

Bà Võ Ngọc U đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông Võ Minh T vẫn không thay đổi, từ giữa năm 2019 đến nay, bà Võ Ngọc U đã sống ly thân với ông Võ Minh T,

Nay bà Võ Ngọc U nhận thấy tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Võ Ngọc U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Võ Ngọc H(nữ), sinh ngày 25/8/2014, trẻ Võ Đăng K (nam), sinh ngày 11/4/2019. Bà U yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Võ Ngọc H và trẻ Võ Đăng K, bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, theo kết quả xác minh Công an Phường 14, Quận 11 cho biết ông Võ Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 30/4A đường BT, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn – ông Võ Minh T đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như không có văn bản phản hồi cho Tòa án; do đó, không thể lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc U là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Võ Ngọc U được ly hôn với ông Võ Minh T, trẻ Võ Ngọc H(nữ), sinh ngày 25/8/2014 và trẻ Võ Đăng K (nam), sinh ngày 11/4/2019 giao cho bà Võ Ngọc U trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Ngọc U khởi kiện yêu cầu ly hôn

với ông Võ Minh T, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông T hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đều đã được tổng đạt, niêm yết công khai đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong lần hòa giải thứ hai, cũng như cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, bị đơn - ông Võ Minh T đều vắng mặt mà không rõ lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 22/6/2021. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014, đăng ký ngày 14/10/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc U và ông Võ Minh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì giữa bà U và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, chủ yếu là mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông T không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn, tụ tập bạn bè, không quan tâm chăm sóc gia đình không phụ giúp kinh tế, mọi việc trong nhà chỉ có một mình bà U lo lắng, quán xuyến nên cả hai đã sống ly thân hơn hai năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, trong đó có văn bản thể hiện rõ các yêu cầu khởi kiện của bà U, nhưng ông T không hề có ý kiến phản hồi và việc không đến Tòa án tham gia vào việc giải quyết vụ án cũng thể hiện rằng ông T không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nguyên nhân trên cho thấy, quan điểm sống của vợ chồng ông T và bà U không phù hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà U và ông T là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc U được ly hôn ông Võ Minh T.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu của bà Võ Ngọc U về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Võ Ngọc H (nữ, sinh ngày 25/8/2014) và trẻ Võ Đăng K (nam, sinh ngày 11/4/2019) giao cho bà Võ Ngọc U trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu H, cháu K còn nhỏ, cần nhận được sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ mẹ; Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc U giao con chung cho

bà U nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà Võ Ngọc U yêu cầu ông T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Võ Ngọc U và ông Võ Minh T được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Võ Ngọc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận; thống nhất với ý kiến Viện kiểm sát về việc chậm tổng đạt thông báo thụ lý.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc U;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc U được ly hôn với ông Võ Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014, đăng ký ngày 14/10/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 10 Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Bà Võ Ngọc U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Võ Ngọc H (nữ, sinh ngày 25/8/2014) và trẻ Võ Đăng K (nam, sinh ngày 11/4/2019). Ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Võ Ngọc U và ông Võ Minh T được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Bà Võ Ngọc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng

án phí bà U đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0052823 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, Quận 11;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Thu Thủy**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Thu Thủy**